

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 25-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đại Nghĩa;

Ông Nguyễn Quang Hưng;

Bà Trần Thị Đàm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Lân Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Hà Thị Mỹ H, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1974 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn NS, xã VT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Nhân viên văn thư; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Hà Minh H4 (đã chết) và bà Đào Thị S, sinh năm 1948; có chồng là Nguyễn Duy H3, sinh năm 1966 và 02 con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 13 tháng 10 năm 2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái “có mặt”.

- Người bào chữa của bị cáo: Ông Trần Ng – Luật sư, Văn phòng Luật sư HH thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Khánh T

Địa chỉ: Tổ 13, phường YT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bà Đặng Thị T1

Địa chỉ: Thôn BM, xã YC, huyện TY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị N

Địa chỉ: Thôn TN, xã AB, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

4. Bà Doãn Thị H5

Địa chỉ: Thôn HN, xã AB, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

5. Ông Trần Văn H6

Địa chỉ: Thôn 10, xã LG, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Đào Thị O

Địa chỉ: Thôn TN, xã AB, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bà Đỗ Thị L

Địa chỉ: Khu 8, xã VT, huyện HH, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Duy H3

Địa chỉ: Tổ 14, phường DT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái;

Tạm trú: Thôn NS, xã VT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Đ

Địa chỉ: Thôn TN, xã AB, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

2. Bà Đặng Thanh H2

Địa chỉ: Thôn HB, xã YC, huyện TY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

3. Ông Trần Xuân H1

Địa chỉ: Thôn BM, xã YC, huyện TY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

4. Ông Nguyễn Xuân B

Địa chỉ: Thôn TN, xã AB, huyện VY, tỉnh Yên Bái; vắng mặt (có đơn đề nghị vắng mặt).

5. Ông Trần Văn H7

Địa chỉ: Thôn 18, xã LG, huyện VY, tỉnh Yên Bái; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian tháng 12 năm 2012 đến tháng 6 năm 2013, thông qua các mối quan hệ xã hội Hà Thị Mỹ H đã dùng thủ đoạn đưa ra thông tin mình có khả năng xin việc làm vào biên chế Nhà nước để nhận và chiếm đoạt của nhiều người trong và ngoài tỉnh Yên Bái với tổng số tiền là 665.000.000đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng tháng 12 năm 2012, thông qua mối quan hệ xã hội từ trước Hà Thị Mỹ H nhận lời với ông Nguyễn Khánh T xin cho con trai bà Đỗ Thị L là Phạm Chiến Th (Th là em họ của ông T) vào làm việc Trại tạm giam Tân Lập - Bộ Công an với số tiền 150.000.000đồng. Bà Đỗ Thị L đã đưa hồ sơ và tiền cho ông Nguyễn Khánh T. Vào ngày 07 tháng 12 năm 2012, tại nhà ở của H (tổ 14, phường DT, thành phố YB, tỉnh Yên Bái) và ngày 24 tháng 12 năm 2012 tại khu vực ngã tư đường mới Km5 đi Yên Bình, Hà Thị Mỹ H nhận của ông T một hồ sơ xin việc và 150.000.000đồng. Sau khi nhận tiền H không xin việc cho Phạm Chiến Th như thỏa thuận; sau nhiều lần bị ông T đòi tiền H đã viết giấy khất nợ, giấy cam kết, giấy biên nhận nội dung ghi vay 300.000.000đồng của ông T. Số tiền thực tế nhận từ ông Nguyễn Khánh T là 150.000.000đồng, H đã chi tiêu hết không có khả năng trả lại.

Vụ thứ 2: Vào tháng 01 năm 2013, thông qua mối quan hệ quen biết giữa bà Đào Thị O (là dì của H) với bà Đặng Thị T1, Hà Thị Mỹ H đưa ra thông tin trong khoảng đầu năm 2013 sẽ xin được việc làm vào ngành Điện lực cho con trai bà T1 (là Trần Xuân H1) với chi phí 140.000.000đồng. Ngày 20 tháng 01 năm 2013, bà T1 cùng em gái là Đặng Thanh H2 đến nhà gặp và đưa cho H 100.000.000đồng; ngày 22 tháng 01 năm 2013, bà T1 tiếp tục cùng em gái (Đặng Thanh H2) đến nhà H đưa tiếp số tiền 40.000.000đồng; hai lần nhận tổng số tiền là 140.000.000đồng, H viết chung vào một biên nhận có nội dung vay tiền của bà T1. Sau khi nhận tiền, H không xin việc cho con bà T1; do bà T1 nhiều lần đòi tiền nên ngày 14 tháng 10 năm 2013, H gọi điện nói dối bà T1 là phải chi phí thêm 15.000.000đồng thì sẽ có quyết định đi làm. Ngày 15 tháng 10 năm 2013, tại khu vực cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Yên Bái (nay là Bệnh viện sản nhi tỉnh Yên Bái), H gặp và nhận của bà T1 15.000.000đồng, khi nhận tiền H viết sẵn một biên nhận vay của bà T1 tổng số tiền 155.000.000đồng; tháng 6 năm 2014, H đã nhờ bà Đào Thị O trả cho bà T1 30.000.000đồng, số còn lại 125.000.000đồng H sử dụng chi tiêu hết.

Vụ thứ 3: Vào tháng 6 năm 2013, thông qua bà Đào Thị O, bà Nguyễn Thị N được H đưa ra thông tin, sau đó nhận lời xin cho con gái là Nguyễn Thị L1 vào làm giáo viên tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái với chi phí 130.000.000đồng. H hướng dẫn bà N làm một bộ hồ sơ xin việc và hẹn đến tháng 9 năm 2013 con bà N sẽ được đi làm; bà N làm hồ sơ sau đó cùng chồng là Nguyễn Xuân B đến gặp đưa hồ sơ cùng 130.000.000đồng cho bà O, bà O đã chuyển toàn bộ số tiền vào tài khoản Ngân hàng cho H, còn hồ sơ bà O đến nhà đưa cho H. H không xin việc làm cho con bà N, số tiền 130.000.000đồng H đã chi tiêu hết; sau đó bà O đã phải bỏ ra 130.000.000đồng để trả cho bà N.

Vụ thứ 4: Thông qua bà Đào Thị O, ngày 18 tháng 6 năm 2013, bà Doãn Thị H5 đến gặp và nhờ Hà Thị Mỹ H xin cho con trai là Mao Sấn S vào làm giáo viên tại huyện VY, tỉnh Yên Bái; H nói với bà H5 ở huyện VY, tỉnh Yên Bái không còn biên chế và hứa xin cho S làm giáo viên ở huyện LY, tỉnh Yên Bái với chi phí xin việc là 100.000.000đồng. Bà H5 đồng ý đưa trước cho H 50.000.000đồng, hai bên viết giấy biên nhận vay tiền; đến ngày 21 tháng 6 năm 2013, bà H5 đưa cho bà O số tiền 50.000.000đồng, bà O nhận tiền và viết một giấy biên nhận thể hiện việc vay 50.000.000đồng; sau đó bà O đã chuyển số tiền nhận từ bà H5 vào tài khoản Ngân hàng cho H. Khi nhận được 100.000.000đồng của bà H5 và tiền do bà O chuyển vào tài khoản Ngân hàng, H không xin việc theo như thỏa thuận với bà H5 mà đã chi tiêu hết. Sau nhiều lần bị bà H5 đòi tiền; ngày 03 tháng 8 năm 2014, bà O đã bỏ ra số tiền 40.000.000đồng của mình rồi cùng chồng là ông Nguyễn Ngọc Đ và chồng H đến nhà trả cho bà H5; số còn lại ông Nguyễn Duy H3 (là chồng của H) viết một giấy khất nợ hẹn đến 31 tháng 10 năm 2014 trả nhưng không thực hiện; sau đó bà O có trả thêm cho bà H5 10.000.000đồng.

Vụ thứ 5: Cũng trong tháng 6 năm 2013, thông qua bà Đào Thị O giới thiệu, Hà Thị Mỹ H đã nhận xin việc cho con trai ông Trần Văn H6 làm giáo viên trên địa bàn tỉnh Yên Bái với chi phí 130.000.000đồng, khoảng một tuần sau ông H6 cầm hồ sơ cùng với 130.000.000đồng đến đưa cho bà O, ngày hôm sau bà O đến nhà H đưa hồ sơ xin việc và tiền nhận của ông H6 cho H. Hà Thị Mỹ H nhận 130.000.000đồng nhưng không xin việc cho con ông H6 như đã thỏa thuận mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết. Không thấy H xin được việc cho con trai, ông H6 đến gặp bà O để đòi lại tiền, do đã trực tiếp nhận tiền của ông H6 để đưa cho H nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 tháng 2014 đến tháng 10 năm 2016, bà O đã nhiều lần tự bỏ tiền ra (tổng số 95.000.000đồng) để trả cho ông H6. Sau đó, ngày 24 tháng 10 năm 2016, bà O đưa ông H6 đến nhà H yêu cầu H trả lại số tiền 130.000.000đồng đã nhận, H khất nợ và viết một biên nhận thể hiện nội dung cầm tiền của ông H6 để chạy việc cho con ông H6 và hẹn đến 31 tháng 12 năm 2016 sẽ hoàn trả đầy đủ nhưng đã không thực hiện như cam kết.

Các lần nhận 155.000.000đồng của bà Đặng Thị T1, nhận 100.000.000đồng của bà Doãn Thị H5, Hà Thị Mỹ H đều viết giấy biên nhận vay tiền. Sau đó, H không xin việc như đã thỏa thuận nên bà Đặng Thị T1 đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết buộc Hà Thị Mỹ H trả lại bà T1 số tiền đưa cho H để xin việc; bà H5 làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, Tòa án nhân dân huyện Văn Yên giải quyết buộc Hà Thị Mỹ H và bà Đào Thị O phải trả lại tiền. Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2014/QĐTCDS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2014, số 03/2015/QĐST-TCDS ngày 03 tháng 02 năm 2015 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và số 02/2015/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giải quyết công nhận sự thỏa thuận của Hà Thị Mỹ H và những người khởi kiện về nghĩa vụ trả nợ nhưng Hà Thị Mỹ H không thực hiện. Sau đó, hành vi lừa đảo của Hà Thị Mỹ H đối với nhiều người khác bị tố cáo; Hà Thị Mỹ H, bà Đặng Thị T1, bà Doãn Thị H5 và bà Đào Thị O khai nhận không có quan hệ

vay mượn mà là tiền đưa để H xin việc. Sau khi có kiến nghị của Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái và Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Yên Bái, ngày 27 tháng 4 năm 2018, Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội kháng nghị tái thẩm đề nghị Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội hủy các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nêu trên. Tại Quyết định tái thẩm số 37/2018/DS-TT, số 38/2018/DS-TT và số 39/2018/DS-TT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội quyết định hủy toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 14/2014/QĐTCDS-ST ngày 15/8/2014, số 03/2015/QĐST-TCDS ngày 03/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và số 02/2015/QĐST-DS ngày 04/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các nguyên đơn với Hà Thị Mỹ H, bà Đào Thị O, ông Nguyễn Ngọc Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu Hà Thị Mỹ H phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Cáo trạng số 46/CT-VKS-P2 ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái truy tố: Hà Thị Mỹ H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Thị Mỹ H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Hà Thị Mỹ H từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù;

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tổng số tiền là 635.000.000đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Hà Thị Mỹ H từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù;

Bị cáo khai báo thành khẩn và xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị O: Yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa.

Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 6 năm 2013, Hà Thị Mỹ H đã dùng thủ đoạn gian dối tự giới thiệu là người có khả năng xin việc làm vào biên chế Nhà nước cho người khác để nhận và chiếm đoạt của 05 người với tổng số tiền 665.000.000đồng (sáu trăm sáu mươi lăm triệu đồng) gồm:

1. Ông Nguyễn Khánh T: 150.000.000đồng;
2. Bà Đặng Thị T1: 155.000.000đồng;
3. Bà Nguyễn Thị N: 130.000.000đồng;
4. Bà Doãn Thị H5: 100.000.000đồng;
5. Ông Trần Văn H6: 130.000.000đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (là Bộ luật Hình sự có hiệu lực tại thời điểm phạm tội).

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, lần chiếm đoạt ít nhất là 100.000.000đồng, lần chiếm đoạt nhiều nhất là 155.000.000đồng, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuy nhiên, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trước khi bị bắt, bị cáo đã trả lại một phần tiền đã chiếm đoạt cho bà Đặng Thị T1 (30.000.000đồng); trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có bố, mẹ để được tặng thưởng

Huân, Huy chương kháng chiến, có chồng được tặng thưởng Huy chương quân kỳ quyết thắng và huân, huy chương chiến sỹ vẻ vang (hạng nhất, nhì, ba); người bị hại (ông Nguyễn Khánh T) xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng chế định quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhưng trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về các vấn đề khác:

Ông Nguyễn Khánh T là người đã cung cấp thông tin, nhận tiền và hồ sơ xin việc của bà Đỗ Thị L; bà Đào Thị O là người đã cung cấp thông tin, nhận tiền và hồ sơ xin việc của bà Nguyễn Thị N, bà Doãn Thị H5, ông Trần Văn H6; bà O, ông T đã giao tiền và hồ sơ xin việc cho Hà Thị Mỹ H. Tuy nhiên, bà O và ông T không trao đổi, thống nhất, không có cùng động cơ mục đích chiếm đoạt tài sản với H; bản thân bà O sau đó cũng phải tự bỏ tiền của mình để trả lại cho bà Nguyễn Thị N 130.000.000đồng, bà Doãn Thị H5 50.000.000đồng, ông Trần Văn H6 95.000.000đồng; ông T đã tự bỏ số tiền 150.000.000đồng của mình để trả cho bà Đỗ Thị L. Nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với bà Đào Thị O và ông Nguyễn Khánh T là phù hợp.

Đối với ông Nguyễn Ngọc Đ (chồng bà O), ông Nguyễn Duy H3 (chồng bị cáo) là những người đi cùng bà O đến trả một phần tiền và khất nợ đối với bà Doãn Thị H5 thay cho Hà Thị Mỹ H; xong những người này không biết hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H nên không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với số tiền 150.000.000đồng bị cáo đã nhận của ông Nguyễn Khánh T: Số tiền này ông T nhận của bà Đỗ Thị L và ông T đã trả lại toàn bộ cho bà L, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Khánh T số tiền 150.000.000đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt.

- Đối với số tiền 155.000.000đồng bị cáo đã nhận của bà Đặng Thị T1: Bị cáo đã trả cho bà T1 30.000.000đồng, do đó cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Đặng Thị T1 số tiền 125.000.000đồng.

- Bị cáo đã nhận số tiền 130.000.000đồng của bà Đào Thị O, số tiền này bà O nhận của bà Nguyễn Thị N và bà O đã trả lại toàn bộ cho bà N, nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà Đỗ Thị O số tiền 130.000.000đồng.

- Bị cáo đã nhận số tiền 100.000.000đồng của bà Doãn Thị H5 (trong đó, bị cáo nhận từ Đào Thị O 50.000.000đồng và nhận trực tiếp từ bà H5 50.000.000đồng). Sau đó, bà O đã bỏ ra số tiền 50.000.000đồng của mình để trả cho bà H5, nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà Đào Thị O số tiền 50.000.000đồng và bồi thường cho bà Doãn Thị H5 số tiền 50.000.000đồng.

- Bị cáo đã nhận số tiền 130.000.000đồng của bà Đào Thị O, số tiền này bà O nhận của ông Trần Văn H6 và bà O đã bỏ ra số tiền 95.000.000đồng của mình để trả cho ông Hải, nên cần buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà Đào Thị O số tiền 95.000.000đồng và bồi thường cho ông Trần Văn H6 số tiền 35.000.000đồng.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;

[9] Bị cáo, các bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Hà Thị Mỹ H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009: Xử phạt bị cáo Hà Thị Mỹ H 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ bị bắt ngày 13 tháng 10 năm 2017.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Buộc bị cáo Hà Thị Mỹ H phải bồi thường cho các bị hại:

- Ông Nguyễn Khánh T số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng);

- Bà Đặng Thị T1 số tiền 125.000.000đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng);

- Bà Doãn Thị H5 số tiền 50.000.000đồng (năm mươi triệu đồng);

- Ông Trần Văn H6 số tiền 35.000.000đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

* Buộc bị cáo Hà Thị Mỹ H phải hoàn trả cho bà Đào Thị O số tiền 275.000.000đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng);

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Hà Thị Mỹ H phải chịu là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 29.400.000đồng (hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao;
- Vụ GDKT1-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan HS-NV Công an tỉnh Yên Bái;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Cục THA dân sự tỉnh Yên Bái;
- TAND thành phố Yên Bái;
- TAND huyện Văn Yên;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Bị hại (5);
- Người có QLNVLQ (3);
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân